

Số: 28/TTr-SKH-DN

Quảng Trị, ngày 22 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### **Dự thảo Quyết định ban hành Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2024**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ; Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2024 như sau:

#### **I. Sự cần thiết ban hành Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2024**

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ đã được ban hành rất nhiều năm, trong đó tại Điều 6 văn bản tích hợp Nghị định 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, giao trách nhiệm UBND cấp tỉnh ban hành và công bố công khai chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa được nhà nước sử dụng đất tại đô thị. Định kỳ 03 năm một lần, UBND cấp tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp. Tuy nhiên, đến nay, UBND tỉnh chưa ban hành danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

Trong bối cảnh nguồn lực đầu tư công hạn hẹp, việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phụ thuộc rất lớn vào năng lực thu hút các dòng tiền đầu tư của toàn xã hội. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua bên cạnh một số kết quả tích cực trong công tác thu hút đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp thì việc huy động các nguồn lực của xã hội cho các lĩnh vực xã hội hóa nói trên vẫn còn khiêm tốn, hạn chế. Mặc dù đã có nhiều chủ trương, chính sách chung theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa thông qua các chính

sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng nhưng hoạt động đầu tư, hợp tác của khối tư nhân vào các lĩnh vực xã hội hóa thông qua các hình thức liên kết, hợp tác kinh doanh, đối tác công - tư còn đơn lẻ, không tạo sự đột phá trong toàn hệ thống.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã xác định rõ các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phá, thể hiện quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong toàn tỉnh nhằm tạo ra sự phát triển mạnh mẽ trong nhiệm kỳ 2021-2025, đồng thời, đề ra mục tiêu phấn tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 7,5 - 8% và giai đoạn 2025 - 2030 đạt trên 8%; Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP giai đoạn 2020 - 2025 là 50%; giai đoạn 2025 - 2030 chiếm dưới 45%.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã xác định, cần phải có các giải pháp mang tính đột phá trong thu hút đầu tư và xã hội hóa đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước. Việc ban hành chính sách Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; các chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Chính phủ tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP vừa tạo ra hành lang pháp lý để áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa, vừa tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

### **1. Mục đích**

- Xây dựng danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh để có cơ sở kêu gọi, thu hút và cấp phép đầu tư các dự án thuộc đối tượng khuyến khích xã hội hóa.

- Xây dựng chính sách khuyến khích xã hội hóa nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, hấp dẫn, tin cậy để khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân sẵn sàng rót vốn đầu tư kinh doanh các dự án thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

- Phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của địa phương, nhất là trong bối cảnh ngân sách tỉnh còn hạn chế, phải cân đối cho nhiều mục tiêu khác nhau nhằm phát triển toàn diện và đồng bộ kinh tế - xã hội địa phương.

- Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng thực tiễn của doanh nghiệp, nhà đầu tư; Đặc điểm, định hướng thu hút đầu tư của tỉnh nhằm khuyến khích, hỗ trợ và tạo động lực cho nhà đầu tư trong thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo**

- Tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp...

- Coi trọng và đối xử bình đẳng đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa, các sản phẩm, dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

- Các dự án xã hội hóa đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

- Các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa phải phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của tỉnh.

- Các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa chỉ áp dụng với các cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động đảm bảo theo quy

hoạch và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

### **III. Quá trình xây dựng dự thảo văn bản**

Thực hiện Văn bản số 5359/UBND-TN ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh v/v nghiên cứu đề xuất UBND tỉnh ban hành danh mục, lĩnh vực và địa bàn ưu đãi XHH trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh một số nội dung như sau:

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và xây dựng dự thảo danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và gửi lấy ý kiến các Sở/ban ngành và địa phương liên quan tại Văn bản số 2032/SKH-DN ngày 02/12/2020 (sao gửi đính kèm). Theo đó, Sở đã đề nghị các Sở/ngành và địa phương: (i) Nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo quyết định và nội dung phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị; (ii) Nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo danh mục lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; (iii) Đề xuất danh mục ngành nghề khuyến khích xã hội hóa theo từng địa bàn cụ thể.

Trên cơ sở tham gia ý kiến của các Sở/ban, ngành và địa phương (Danh sách đính kèm Phụ lục 1), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tổng hợp dự thảo (lần 2) danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, quá trình tổng hợp, Sở thấy rằng: (i) có một số nội dung trong danh mục xã hội hóa chưa có sự thống nhất giữa các Sở/ngành, địa phương; (ii) các địa phương chưa đề xuất được danh mục ưu tiên xã hội hóa tại địa bàn quản lý của mình.

Vì vậy, ngày 19/01/2021, Sở đã có Giấy mời số 03/GM-SKH-DN để tổ chức cuộc họp thảo luận về các nội dung nói trên. Căn cứ kết quả cuộc họp, ngày 26/11/2021, Sở tiếp tục có Văn bản số 146/SKH-DN gửi các địa phương để đề xuất danh mục ưu tiên xã hội hóa tại địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý. Sở tiếp tục tổng hợp trình UBND tỉnh. Ngày 16/3/2021, UBND tỉnh đã tổ chức phiên họp để thống nhất danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

Ngày 19/03/2021, UBND tỉnh có văn bản số 943/UBND-VX về đề xuất danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa gửi các ủy viên UBND tỉnh, giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã rà soát danh mục gửi về sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ văn bản tham gia của các đơn vị, Sở đã tổng hợp trình UBND tỉnh.

Ngày 31/5/2021, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 31/12/2021 về việc chủ trương quy định danh mục lĩnh vực, địa bàn và chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021 - 2023 trình Thường trực HĐND tỉnh. Ngày 05/7/2021, HĐND tỉnh có văn bản số 209/HĐND-VHXXH về việc danh mục lĩnh vực, địa bàn xã hội hóa gửi UBND tỉnh, trong đó yêu cầu UBND tỉnh nghiên cứu, xây dựng mức miễn, giảm tiền thuê đất theo từng lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa báo cáo Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến theo thẩm quyền. Ngày 07/7/2021, UBND tỉnh có văn bản số 2837/UBND-VX giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương thực hiện theo yêu cầu của HĐND tỉnh.

Ngày 20/7/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1533/SKH-DN về đề xuất chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án khuyến khích xã hội hóa

tại các đô thị gửi các Sở, ban ngành và địa phương có liên quan. Căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, ý kiến tham gia của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; các chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2023, gửi Sở Tư pháp thẩm định. Ngày 31/8/2021, Sở Tư pháp có văn bản số 1059/STP-XD&KTVBQPPL tham gia ý kiến. Căn cứ ý kiến tham gia của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu chỉnh sửa, đồng thời bổ sung xây dựng các chiến sách ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các KCN, Khu Kinh tế gửi lấy ý kiến tham gia của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh. Ngày 02/11/2021, Ban có văn bản tham gia số 1420/KKT-QHTN về việc tham gia ý kiến xây dựng Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; các chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2023. Sở tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện để gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh. Ngày 22/11/2021, Sở Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số 529/BC-STP về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ ý kiến tham gia của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo quy định Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; các chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2024.

#### **IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2024 bao gồm các căn cứ pháp lý và 6 điều.

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2024;
- Điều 3. Địa bàn ưu đãi xã hội hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2024;
- Điều 4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa;
- Điều 5. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 1 (TP Đông Hà, Thị xã Quảng Trị);
- Điều 6. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 2 (nhóm các đô thị loại V);
- Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị
- Điều 8. Điều khoản thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

###### **2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a. Phạm vi điều chỉnh: Lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này; Địa bàn ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 3 Quyết định này; Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

###### **b. Đối tượng áp dụng**

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

## **2.2. Lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2024**

a. Lĩnh vực giáo dục gồm: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; Các cơ sở giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật, khiếm khuyết; trường đại học.

b. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; Trường trung cấp, trường cao đẳng.

c. Lĩnh vực y tế gồm:

- Lĩnh vực khám, chữa bệnh: Bệnh viện đa khoa; bệnh viện chuyên khoa; cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng; Phòng khám đa khoa tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình.

- Lĩnh vực y tế dự phòng: Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng; Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS.

- Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, dược và mỹ phẩm: Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm; Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học.

- Dịch vụ y tế khác: Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

d. Lĩnh vực văn hóa, gồm: Bảo tàng tư nhân; Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống; Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian; Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; cơ sở chiếu phim; nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực huyện, thị xã, thành phố.

e. Các dự án thuộc lĩnh vực thể thao, gồm: Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao năng khiếu và thành tích cao; Cơ sở huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật; Sân thể thao, bao gồm: Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chày, sân cầu lông, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao, nhà luyện tập thể thao.

f. Các dự án thuộc lĩnh vực môi trường, gồm: Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải; Cơ sở xử lý rác thải; Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể

cả chất thải y tế); Cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán; Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị; Cơ sở sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường; Cơ sở hỏa táng, điện táng; Cơ sở cung cấp nước sạch.

g. Lĩnh vực giám định tư pháp khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

### **2.3. Địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2024**

a. Địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 1: Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị.

b. Địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 2: nhóm các đô thị loại V.

### **2.4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa**

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được hưởng các chính sách ưu đãi xã hội hóa khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục các loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại các Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các quy định sửa đổi bổ sung có liên quan.

b. Dự án xã hội hóa phải thuộc Danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh phê duyệt và công bố theo giai đoạn 3 (ba) năm theo quy định.

c. Dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch tỉnh; quy hoạch đô thị; quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm; và các quy hoạch khác (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Dự án xã hội hóa phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư theo đúng quy định.

e. Nhà đầu tư có đăng ký nộp thuế tại tỉnh Quảng Trị đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

f. Nhà đầu tư không vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác trong quá trình thực hiện dự án.

g. Dự án không chậm tiến độ hoặc tạm ngừng hoạt động, không vi phạm các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.

h. Nhà đầu tư, doanh nghiệp không đang trong các tình trạng sau: Phá sản, tạm ngừng hoạt động, mất khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong giai đoạn điều tra, truy tố.

i. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo đúng quy định.

k. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất với nhiều lĩnh vực hoặc trên nhiều địa bàn khác nhau thì được hưởng chế độ miễn tiền thuê đất theo diện tích thuê của từng lĩnh vực hoặc địa bàn tương ứng.

### 1. Các trường hợp không miễn tiền thuê đất

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

### **2.5. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 1 (Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị)**

Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được:

a. Miễn tiền thuê đất 05 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục Ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b. Miễn tiền thuê đất 07 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

c. Miễn tiền thuê đất 13 năm đối với:

- Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa (lĩnh vực môi trường) theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đầu tư tại Khu công nghiệp Nam Đông Hà.

d. Được giảm 30% tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn thành phố Đông Hà; Được giảm 30% tiền thuê đất trong 9 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn thị xã Quảng Trị.

### **2.6. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 2 (nhóm các đô thị loại V)**

Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, chính sách miễn, giảm tiền thuê đất như sau:

a. Đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế:

- Miễn tiền thuê đất 9 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất 13 năm đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn; Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất 17 năm đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn; Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

- Được giảm 50% tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất.

b. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong khu công nghiệp, khu kinh tế:

- Miễn tiền thuê đất 15 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất 17 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

- Miễn tiền thuê đất 19 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất 21 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Được giảm 50% tiền thuê đất trong 7 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất.

## **2.7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

### **V. Thẩm quyền ban hành văn bản:**

- **Về danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa:** Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định 59/2014/NĐ-CP thì “Định kỳ 3 năm 1 lần, UBND tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp”. Như vậy, thẩm quyền ban hành danh mục và địa bàn xã hội hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- **Về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất:** Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì “Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực. Mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án; mức tối



thiểu bằng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư. ....Căn cứ vào lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và công bố công khai chế độ miễn, giảm tiền thuê đất nêu trên sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp”. Theo quy định này, thẩm quyền quy định mức miễn giảm tiền thuê đất thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh.

- Do danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa là căn cứ để xây dựng chế độ miễn, giảm tiền thuê đất và không thể ban hành tách rời nhau. Do đó, UBND tỉnh xây dựng dự thảo Quyết định bao gồm danh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa và chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa. Mặt khác, tại dự thảo không có nội dung quy định chính sách mới ngoài các nội dung được Chính phủ giao quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP. Nội dung dự thảo chỉ quy định cụ thể về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo từng địa bàn, lĩnh vực (Khung chính sách với mức tối đa, tối thiểu đã được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008); Do đó, để việc ban hành quy định về xã hội hóa đúng thẩm quyền được giao, UBND tỉnh kiến nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo thành “Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa; chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2024” trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến thống nhất để UBND tỉnh có cơ sở ban hành Quyết định theo đúng quy định.

*Các tài liệu kèm theo:*

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và dự thảo báo cáo đánh giá tác động của các quy định;

- Dự thảo Quyết định;

- Báo cáo số /SKH-DN ngày tháng 3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về đánh giá tác động của Quy định Danh mục lĩnh vực và địa bàn xã hội hóa; Chế độ miễn giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2024;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Phòng TH (p/h) ;
- Lưu: VT, DN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Thương**